



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Nhiệt điện Bà Rịa

Ngày 30/06/2025	11,950 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	-2.0%	-0.4%

DT thuần Q2/25
66.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.50 16.7%
YoY: ▼ 88.6 -57.2%

LN thuần Q2/25
-0.56
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 12.7 -105%
YoY: ▼ 6.79 -109%

LN sau thuế Q2/25
-0.11
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 10.9 -101%
YoY: ▼ 5.52 -102%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
0.3%
YoY: +/- ▼ 22.4%

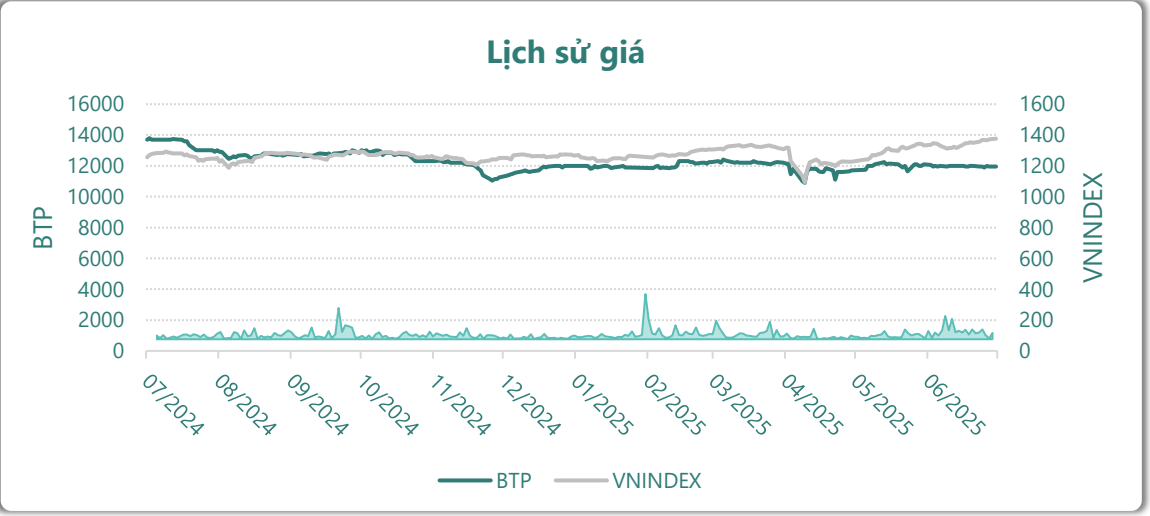
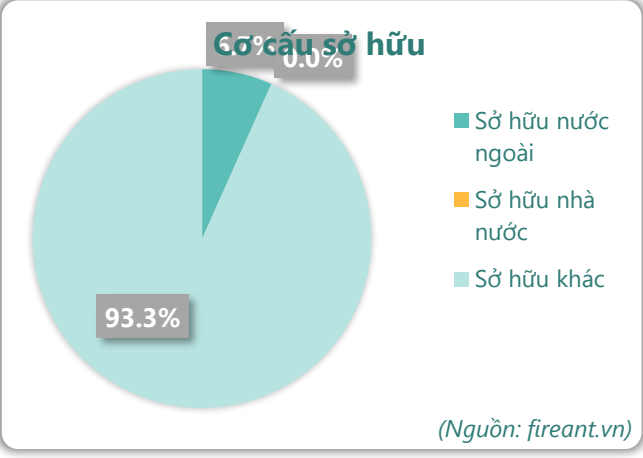
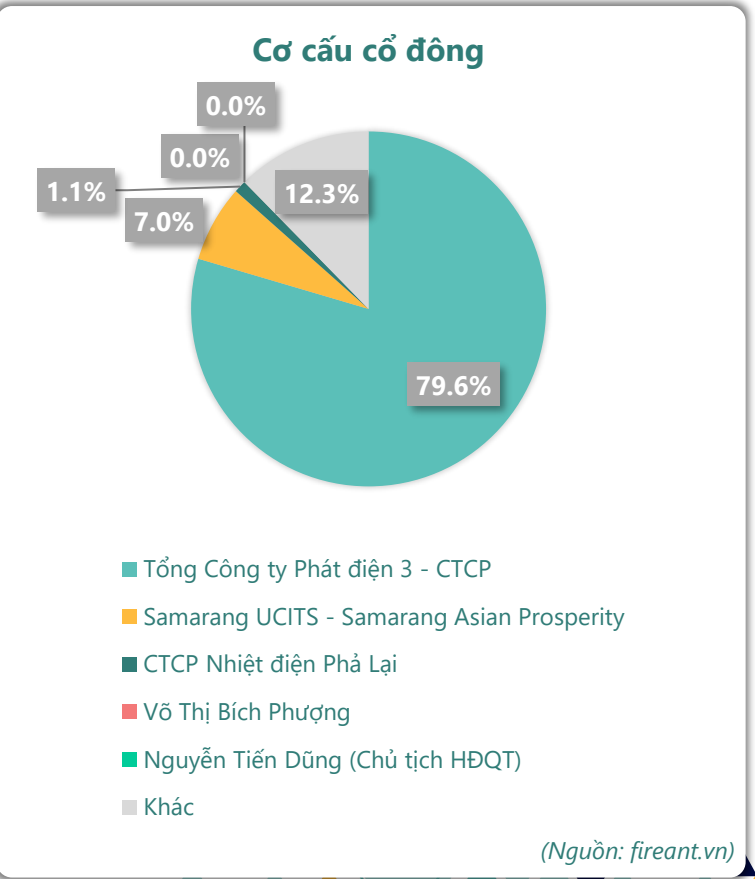
ROE (TTM) Q2/25
3.1%
YoY: +/- ▼ 0.5%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	10,900 - 13,794
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	723
Số lượng CPLH (CP)	60,485,600
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,860
Sở hữu nước ngoài	6.7%
Beta	0.68
EPS	543
P/E	22.0

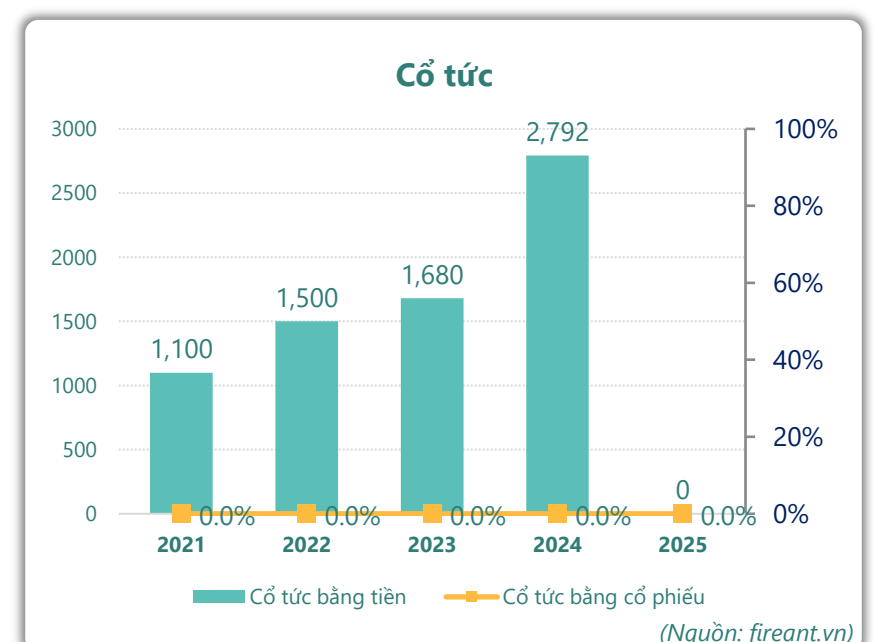
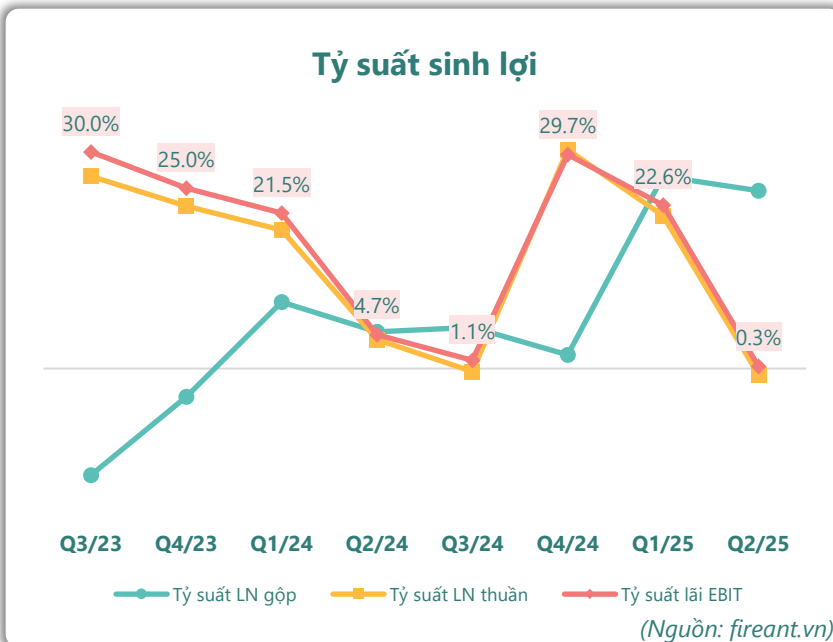
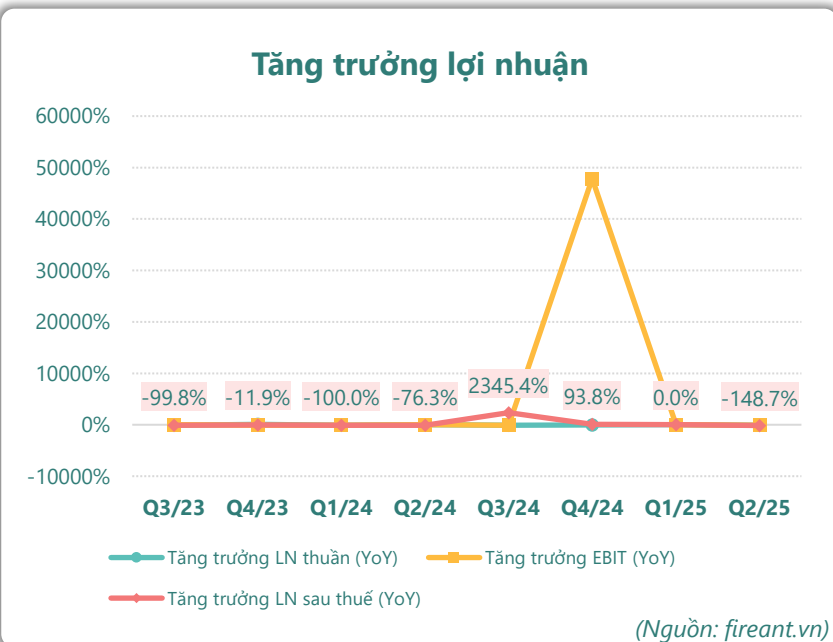
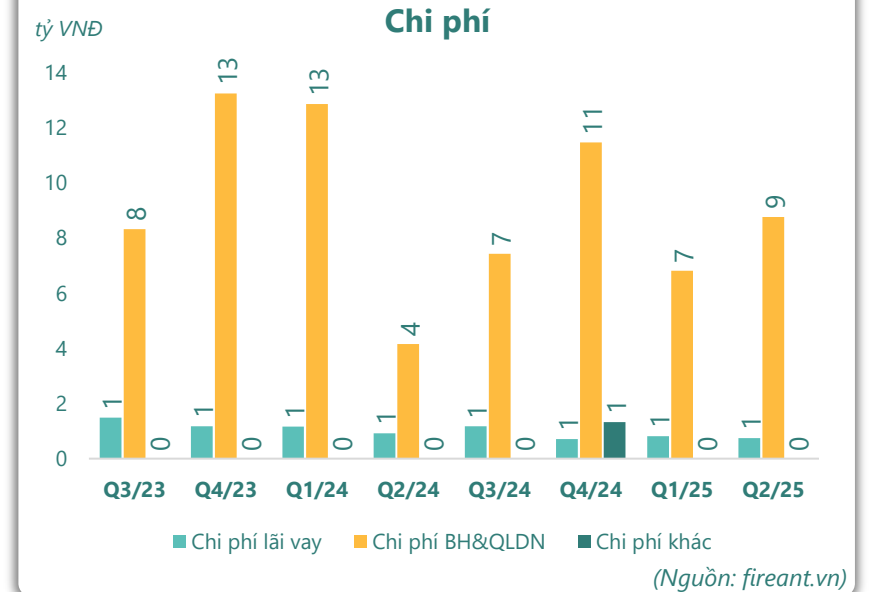
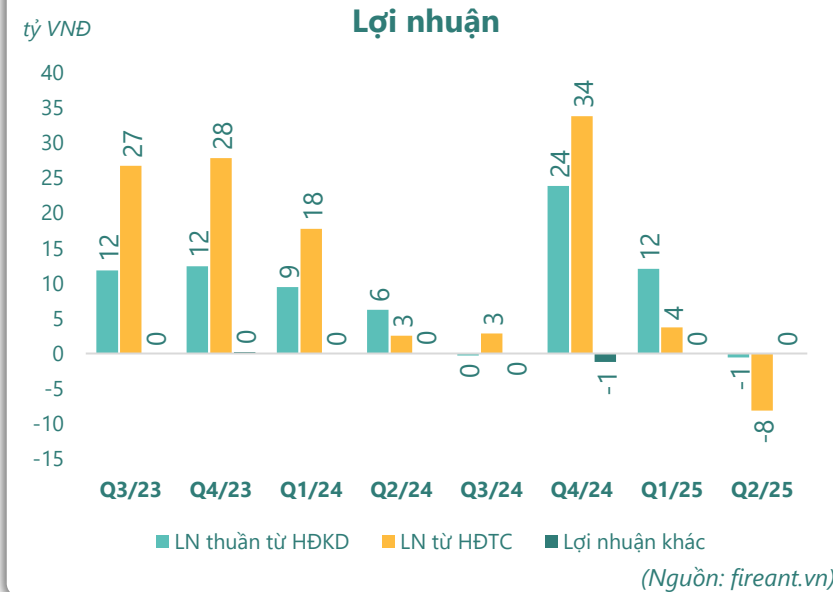
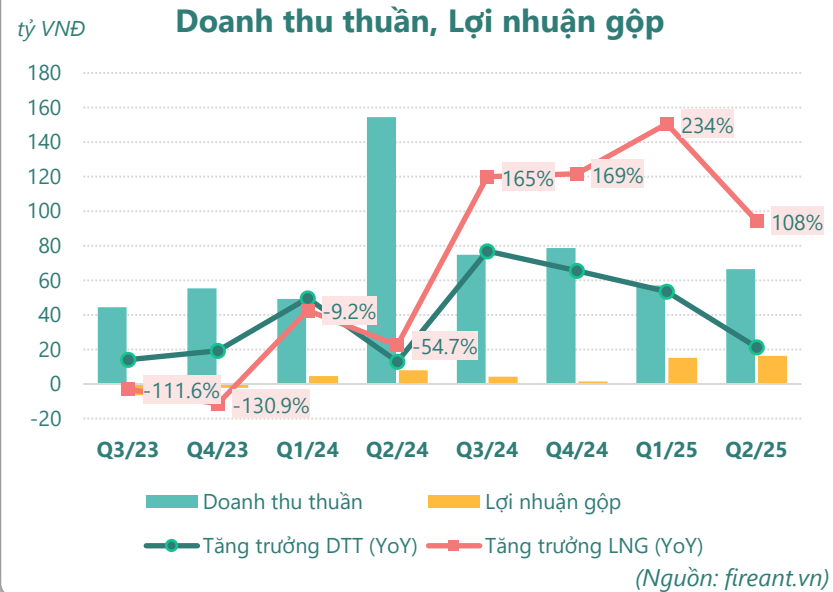
DT thuần 6T 2025
123
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 81.0 -39.5%

LN thuần 6T 2025
11.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 4.20 -26.7%

LN sau thuế 6T 2025
10.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 4.20 -28.3%



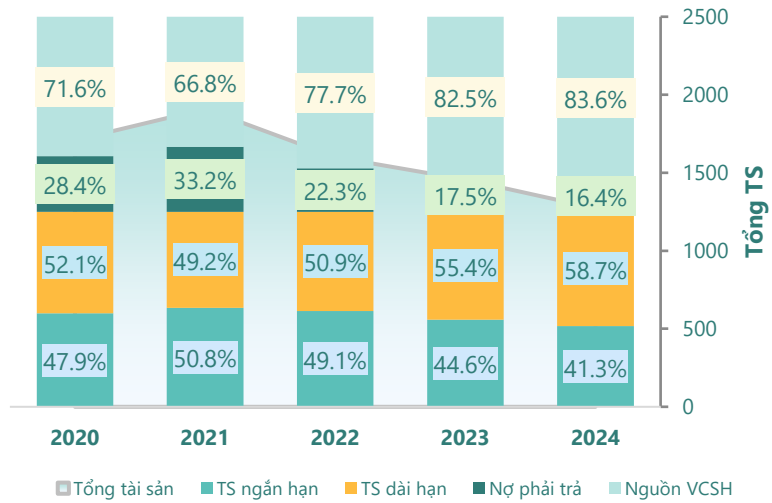
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

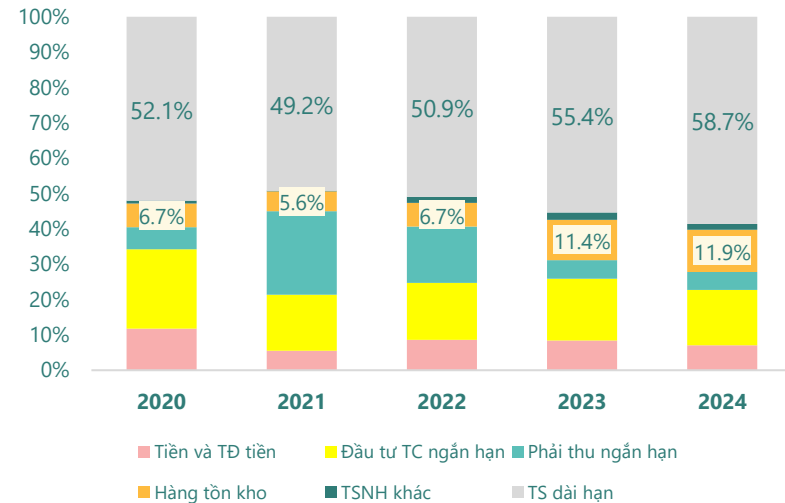
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

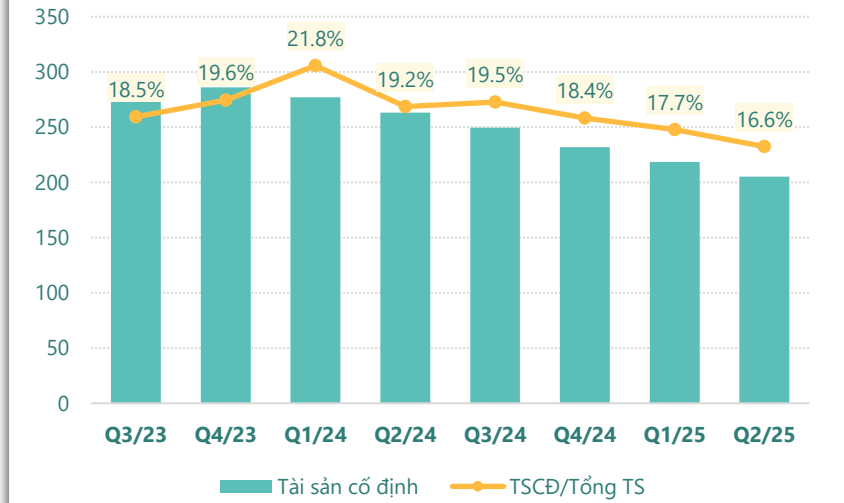
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

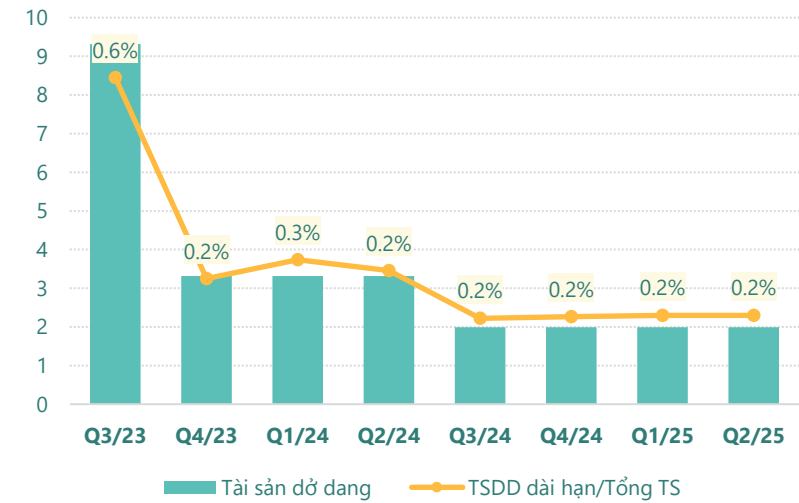
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

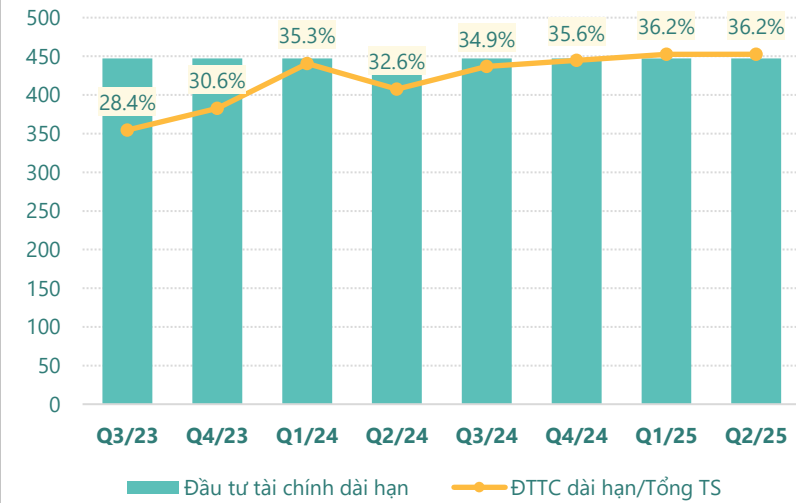
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

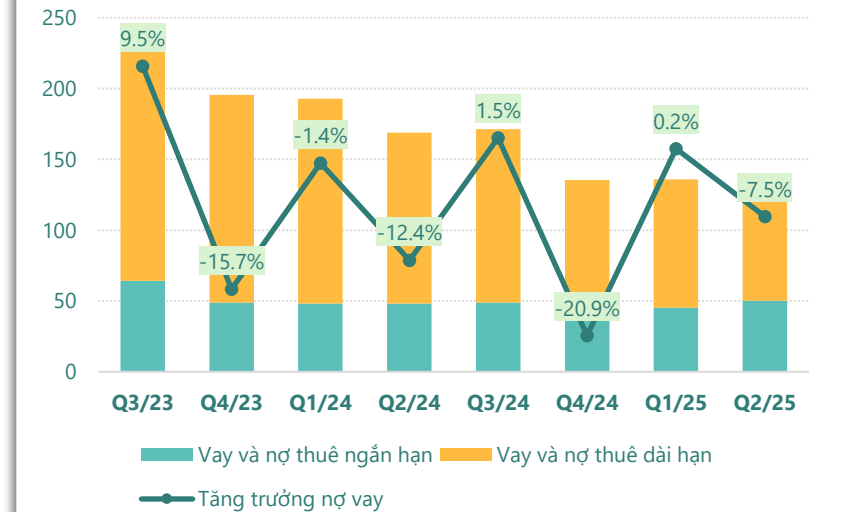
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

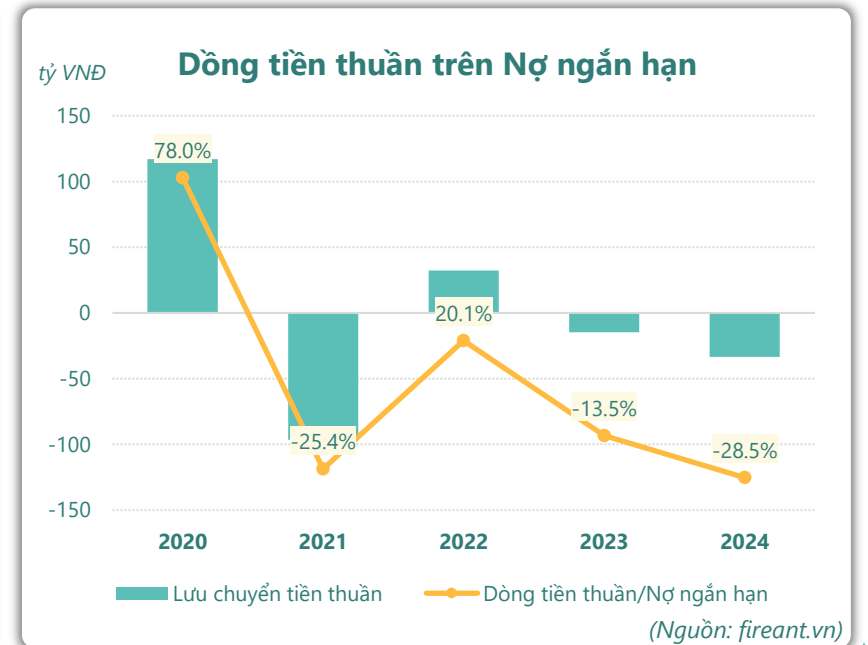
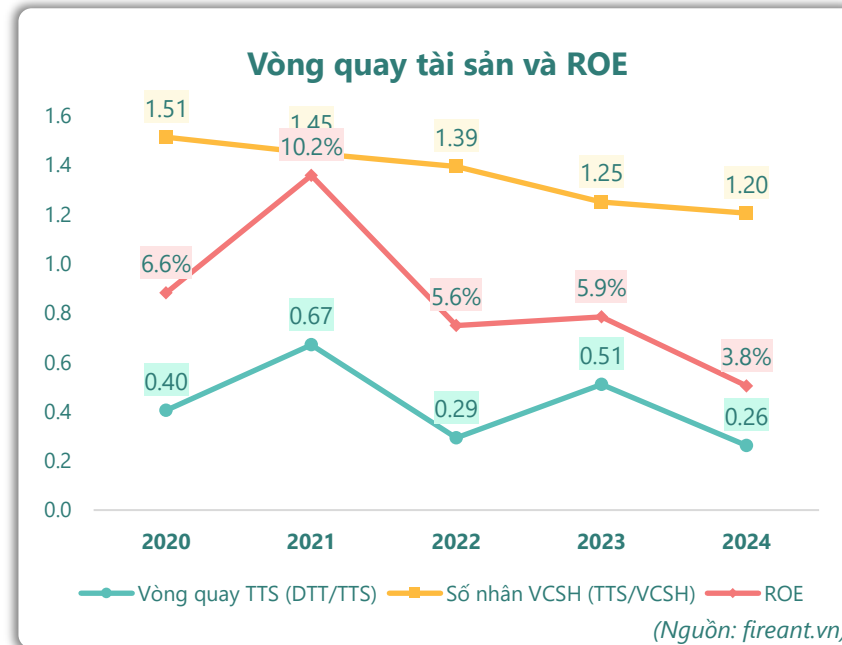
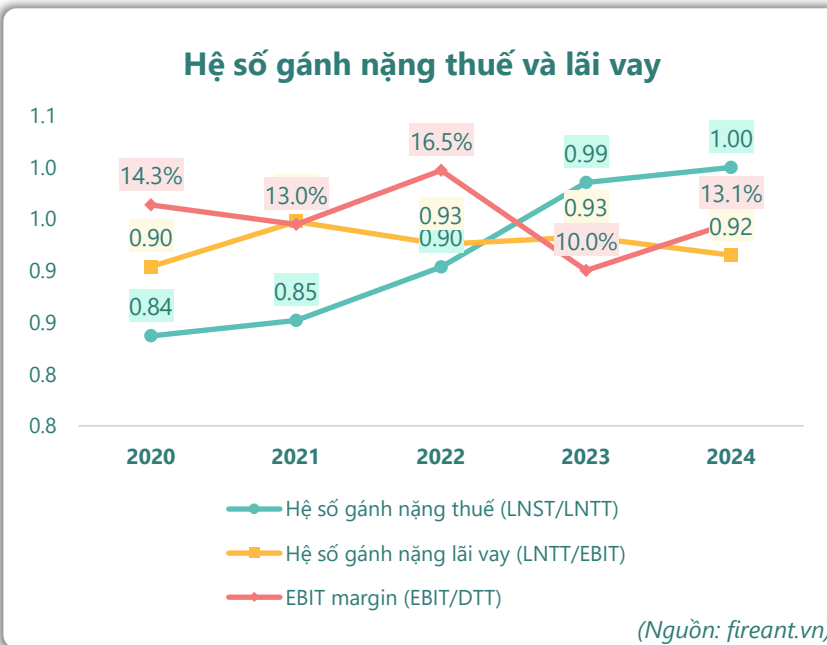
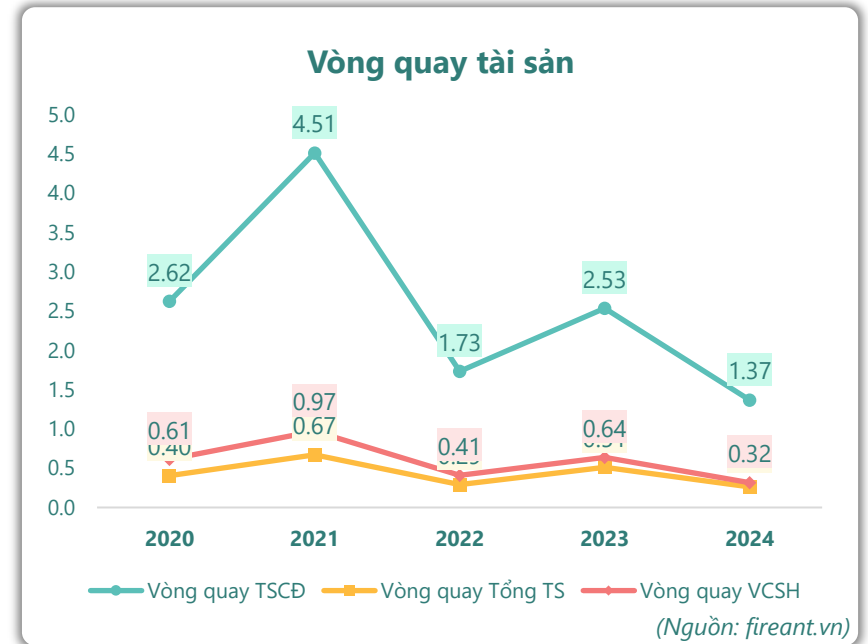
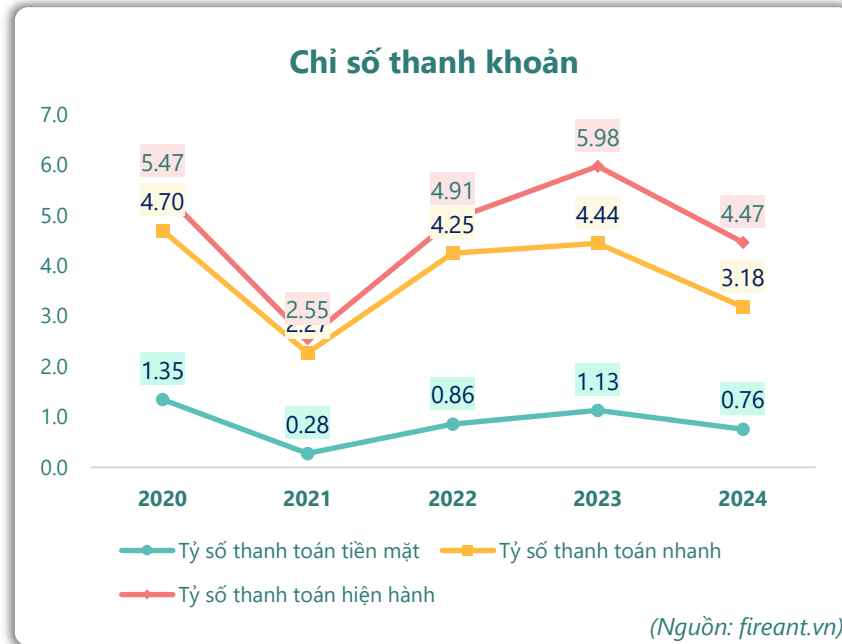
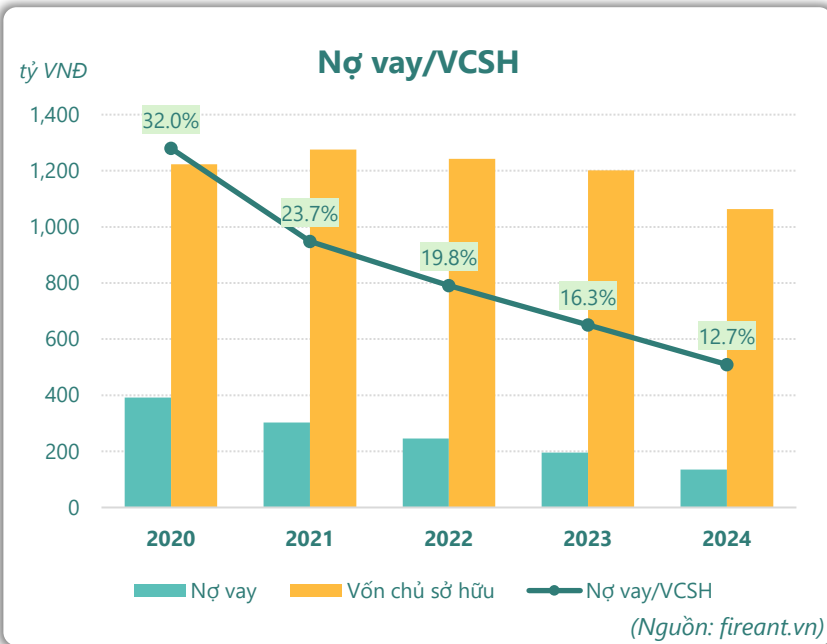
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	66.4	155	-57.2%	123	204	-39.5%
Giá vốn hàng bán	50.0	147	-66.0%	91.8	191	-52.0%
Lợi nhuận gộp	16.4	7.89	107%	31.5	12.4	154%
Doanh thu HĐTC	5.04	3.43	46.8%	9.86	22.4	-56.0%
Chi phí TC	13.2	0.92	1333%	14.3	2.09	584%
Chi phí lãi vay	0.74	0.92	-19.2%	1.56	2.09	-25.3%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.00	0.00		0.01	0.01	15.6%
Chi phí QLDN	8.77	4.16	111%	15.6	17.0	-8.5%
LN thuần từ HĐKD	-0.56	6.23	-109%	11.5	15.7	-26.7%
Lợi nhuận khác	0.00	0.09	-95.0%	0.02	0.09	-78.3%
LN trước thuế	-0.56	6.33	-109%	11.5	15.8	-27.1%
Lợi nhuận sau thuế	-0.11	5.41	-102%	10.7	14.9	-28.3%
LNST của CĐ cty mẹ	-0.11	5.41	-102%	10.7	14.9	-28.3%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.81	26.7	15.5	40.0	-40.9	-29.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	115	5.37	20.8	-19.3	14.9	42.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-187	-24.8	-0.23	-28.2	-0.03	-22.6
Tiền đầu kỳ	123	53.5	60.7	96.8	89.3	63.2
Lưu chuyển tiền thuần	-69.3	7.26	36.1	-7.53	-26.1	-9.63
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	53.5	60.7	96.8	89.3	63.2	53.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,235	1,272	-2.9%
Tài sản ngắn hạn	519	526	-1.2%
Tiền và tương đương tiền	53.6	89.3	-40.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	165	200	-17.5%
Phải thu ngắn hạn	144	64.5	124%
Hàng tồn kho	143	151	-5.0%
Tài sản ngắn hạn khác	13.0	20.9	-37.8%
Tài sản dài hạn	716	746	-4.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	205	232	-11.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.99	1.99	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	447	447	0.0%
Tài sản dài hạn khác	61.7	64.7	-4.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	171	208	-17.9%
Nợ ngắn hạn	95.4	118	-18.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	50.3	45.2	11.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.08	39.1	-94.7%
Nợ dài hạn	75.4	90.3	-16.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	75.4	90.3	-16.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,065	1,064	0.1%
Vốn chủ sở hữu	1,065	1,064	0.1%
Vốn điều lệ	605	605	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

